

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800237998 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 08 năm 2002 và được thay đổi lần thứ 24 ngày 17 tháng 08 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nakatani Yoshitaka	Chủ tịch
Bà Đặng Nhị Nương	Thành viên
Ông Lê Khánh Nguyên	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/ Miễn nhiệm
Bà Lê Thị Hương	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Hương Giang	Thành viên	
Ông Lê Hữu Trí	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/7/2025
Bà Vũ Thu Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/7/2025

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/ Miễn nhiệm
Bà Đặng Nhị Nương	Giám đốc	
Bà Lê Thị Việt Hà	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 11/6/2025
Bà Đặng Thị Thanh Tuyền	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 11/6/2025 miễn nhiệm ngày 17/10/2025
Bà Nguyễn Thu Huyền	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 17/10/2025

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là: Bà Đặng Nhị Nương – Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bà Đặng Nhị Nương

Giám đốc

Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 05 năm 2026

Số: 1004/2026/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của **Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ** (gọi tắt là "Công ty"), được lập Ngày 15 tháng 05 năm 2026, từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày ở thuyết minh số 4.16, Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Bản Việt là 23.126.095.827 đồng đã quá hạn thanh toán. Thời điểm phát sinh báo cáo này, khoản nợ trên đã quá hạn thanh toán. Thời gian xin gia hạn theo công văn số 05/2024/CV-AMV của Công ty là tháng 10 năm 2024 và đã được Ngân hàng TMCP Bản Việt chấp thuận theo Công văn số 212/2024/BVbank/CV-QL&THN ngày 9/4/2024. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn chưa trả hết số nợ gốc nêu trên, Công ty đang tiếp tục làm việc với Ngân hàng để xin gia hạn nợ.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra Ý kiến ngoại trừ ngày 28/8/2025, với cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư quỹ tiền mặt là 290.950.121 đồng vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính chính xác, hiện hữu và đầy đủ của tiền mặt tại thời điểm nêu trên.
- Một số Công ty liên kết được thành lập nhưng chưa hình thành hoặc không đáng kể các tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Số tiền góp vốn vào các công ty này là 60.900.000.000 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán áp dụng, chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đánh giá tính hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính năm 2024.
- Công ty đã thực hiện đầu tư và lắp đặt các máy móc thiết bị, hệ thống phần mềm lưu trữ và truyền tải hình ảnh y khoa RIS-PACS theo các hợp đồng cho thuê, hợp tác liên kết với các bệnh viện, trung tâm y tế với chi phí đầu tư đến thời điểm 31/12/2024 là 80.255.898.895 VND (trong đó giá trị đã bàn giao cho bệnh viện đưa vào sử dụng là 59.564.895.987 VND, chưa bàn giao cho bệnh viện là 20.691.002.908 VND). Tại một số bệnh viện đã có doanh thu nhưng do chưa có hướng dẫn cụ thể, thống nhất về việc thanh toán đối với các dịch vụ kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh dựa trên hệ thống PACS, do đó Công ty vẫn chưa có đủ cơ sở tin cậy để xác định được đầy đủ lợi ích kinh tế thu được từ việc cho thuê, hợp tác nêu trên. Tuy nhiên, Công ty đã ghi nhận chi phí khấu hao đối với phần tài sản đã bàn giao vào kết quả kinh doanh các năm, giá trị hao mòn lũy kế tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 20.811.796.801 VND (trong đó lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2023 là 16.526.054.590 VND, khấu hao năm 2024 là 4.285.742.211 VND). Bằng các thủ tục kiểm toán áp dụng, chúng tôi chưa xác định được ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Đối với các vấn đề nêu trên. Công ty đã thực hiện kiểm kê tiền mặt vào 31/12/2025; Kiểm toán viên cũng đã thực hiện việc kiểm kê bổ sung tại thời điểm thực hiện kiểm toán. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Các công ty liên kết đang hoạt động ổn định và chuẩn bị hoạt động; một số khoản đầu tư đã được tiến hành thu hồi dựa trên các thỏa thuận và cam kết chấm dứt đầu tư. Các hợp đồng thuê, hợp tác liên kết với bệnh viện đã thống nhất bằng văn bản về phân chia lợi nhuận và đã được Công ty thực hiện, theo dõi hạch toán theo đúng các thỏa thuận, cam kết này. Theo đó các vấn đề trên không còn ảnh hưởng tới báo cáo tài chính riêng năm 2025 đính kèm.



Đỗ Thị Thanh Huyền

Phó Giám đốc

Giấy Chứng nhận ĐKHN kiểm toán:

Số: 2421-2024-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 05 năm 2026

Nguyễn Hải Phương

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

Số: 1329-2023-283-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.882.090.206	181.924.053.900
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.972.095.736	2.123.348.100
1. Tiền	111		1.972.095.736	2.123.348.100
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.433.710.997	169.243.010.523
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	18.793.097.280	153.370.344.475
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	17.757.003.704	9.524.350.514
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	45.142.935.141	6.107.640.662
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.11	(259.325.128)	(259.325.128)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	16.284.033.892	10.357.695.277
1. Hàng tồn kho	141		16.284.033.892	10.357.695.277
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		192.249.581	200.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	90.482.526	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		95.603.627	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	6.163.428	200.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.526.680.849.490	1.485.939.099.062
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		125.727.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	125.727.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		59.898.270.445	65.432.066.344
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	27.087.910.847	26.678.967.158
- Nguyên giá	222		54.860.290.809	50.034.090.809
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.772.379.962)	(23.355.123.651)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	32.810.359.598	38.753.099.186
- Nguyên giá	228		59.564.895.987	59.564.895.987
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.754.536.389)	(20.811.796.801)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	4.10	20.691.865.470	20.691.002.908
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.691.865.470	20.691.002.908
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	1.320.338.277.325	1.399.802.674.180
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.254.740.000.000	1.284.140.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		153.300.000.000	153.300.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(87.701.722.675)	(37.637.325.820)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		25.436.250	13.355.630
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	25.436.250	13.355.630
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.626.562.939.696	1.667.863.152.962

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		124.569.205.721	122.958.438.171
I. Nợ ngắn hạn	310		124.569.205.721	122.958.438.171
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	917.335.164	1.149.011.676
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	29.144.742	898.719.173
3. Phải trả người lao động	314		562.519.653	593.880.249
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	23.968.555.935	19.760.461.246
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	75.965.554.400	75.931.270.000
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	23.126.095.827	24.625.095.827
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.17	1.501.993.733.975	1.544.904.714.791
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.501.993.733.975	1.544.904.714.791
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.311.056.500.000	1.311.056.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.311.056.500.000	1.311.056.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(395.300.000)	(395.300.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		191.332.533.975	234.243.514.791
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		234.243.514.791	246.895.237.887
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(42.910.980.816)	(12.651.723.096)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.626.562.939.696	1.667.863.152.962

Người lập biểu
Trần Hằng Nga

Kế toán trưởng
Nguyễn Thu Huyền

Giám đốc
Đặng Nhị Nương
Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 05 năm 2026



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	26.092.083.075	169.364.910.851
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	329.337.871	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		25.762.745.204	169.364.910.851
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	23.253.299.467	160.394.730.660
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.509.445.737	8.970.180.191
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	17.010.120.993	10.000.513.202
7. Chi phí tài chính	22	5.5	54.594.491.544	29.864.843.530
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.530.094.689	5.638.032.048
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	135.413.326	321.072.342
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	7.714.636.158	5.325.865.947
10. Lỗ từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(42.924.974.298)	(16.541.088.426)
11. Thu nhập khác	31	5.8	140.227.540	3.924.305.576
12. Chi phí khác	32	5.9	126.234.058	34.940.246
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		13.993.482	3.889.365.330
14. Lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(42.910.980.816)	(12.651.723.096)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(42.910.980.816)	(12.651.723.096)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(632)	(97)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(632)	(97)

Người lập biểu
Trần Hằng Nga

Kế toán trưởng
Nguyễn Thu Huyền

Giám đốc
Đặng Nhị Nương
Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 05 năm 2026



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lỗ trước thuế	01		(42.910.980.816)	(12.651.723.096)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02		10.712.195.899	9.667.514.548
- Các khoản dự phòng	03		50.064.396.855	24.410.761.325
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.150.120.993)	(13.904.402.106)
- Chi phí lãi vay	06		4.530.094.689	5.638.032.048
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.245.585.634	13.160.182.719
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(43.319.467.529)	(2.658.596.511)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.926.338.615)	150.614.916.371
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.420.327.139)	(3.462.780.691)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(102.563.146)	47.739.316
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(23.631.642)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(45.523.110.795)	157.477.829.562
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(5.179.262.562)	(13.224.968.137)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		140.000.000	2.518.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.030.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ khác	24		500.000.000	9.530.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(148.400.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		29.400.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.010.120.993	5.000.513.202
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		46.870.858.431	(154.605.954.935)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.499.000.000)	(7.153.437.823)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.499.000.000)	(7.153.437.823)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(151.252.364)	(4.281.563.196)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	2.123.348.100	6.404.911.296
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	4.1	1.972.095.736	2.123.348.100


Người lập biểu
Trần Hằng Nga


Kế toán trưởng
Nguyễn Thu Huyền




Giám đốc
Đặng Nhị Nương
Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 05 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800237998 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 08 năm 2002 và được thay đổi lần thứ 24 ngày 17 tháng 08 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 1.311.056.500.000 đồng chia thành 131.105.650 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 28 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 30 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Kinh doanh trang thiết bị y tế và hóa chất xét nghiệm y tế.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là:

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên
Chi tiết: kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hóa chất xét nghiệm y tế;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng
Chi tiết: Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Đại lý, môi giới, đầu giá
Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hóa, sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh địa ốc;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải; tái chế phế liệu; xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Chuyển giao công nghệ các ngành nghề kinh doanh khác đã quy định cụ thể tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh trang thiết bị y tế và hóa chất xét nghiệm y tế.

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

1.5. Cấu trúc Doanh nghiệp

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	Số 307 Đường Nguyễn Du kéo dài, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	83,33%	83,33%	Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế, bán buôn máy móc, thiết bị y tế
Công ty CP Phát triển Công nghệ Hạ Long Kyoto	Lô A15, Cụm công nghiệp Nam Sơn, Xã Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	99,00%	99,00%	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Ưông Bí	Tổ 4, Khu 4, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa và chuyên khoa
Công ty CP Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu	Khu công nghiệp Sông Hậu Giai đoạn 1, xã Châu Thành, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam	98,00%	98,00%	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung
Công ty CP Phòng khám Hà Đông	Tầng 3, Số 1 Phúc Thịnh, Cầu Bươu, Phường Kiến Hưng, TP Hà Nội, Việt Nam	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Hòa Bình	Tầng 1, Số nhà 83 đường Cù Chính Lan, Tổ 13, Phường Hòa Bình, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Việt Trì	Số 307 Đường Nguyễn Du kéo dài, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Kỹ thuật cao Gia Lâm	18 BT5 khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Medicare Cần Thơ	Số 408 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường An Bình, TP Cần Thơ, Việt Nam	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Medicare Hậu Giang	Số 16, Lầu 1, đường số 14, Khu vực 4, Phường Vị Thanh, TP Cần Thơ, Việt Nam	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Medicare Sóc Trăng	Lầu 1 số 438 đường Lê Duẩn, khóm 4, Phường Phú Lợi, TP Cần Thơ, Việt Nam	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Ngã Bảy	Số 222, đường 30/4, Khu vực 5, Phường Ngã Bảy, TP Cần Thơ	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Leopard Solutions	Số 34, Đường 79, Ấp Đình, Xã Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh.	75,00%	75,00%	Lập trình máy vi tính
Công ty Cổ phần Sản xuất Phần mềm Quốc Gia Việt Nam (*)	Số 36 BT5 Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Mai, TP Hà Nội	98,00%	98,00%	Lập trình máy vi tính

(*) Nghị quyết của HĐQT số 2502.01/2025/NQ-HĐQT ngày 25/02/2025 về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Sản xuất phần mềm Quốc gia Việt Nam. Tại thời điểm phát hành báo cáo này công ty đã thoái toàn bộ vốn tại công ty con này.

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường.

Các công ty liên kết: Chi tiết tại thuyết minh 4.2

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ	A30-A31 Đường D1, KDC Tân Hải Minh, KP1, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh.	Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị, dụng cụ và hóa chất xét nghiệm y tế (Hoạt động bình thường)
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ	Toà nhà Vinaconex Diamond, số 459 C Bạch Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.	Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị, dụng cụ và hóa chất xét nghiệm y tế (Hoạt động bình thường)

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.4. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Năm nay [Số năm]
Máy móc và thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.
Tài sản cố định vô hình của Doanh nghiệp bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí sửa chữa, trang trí văn phòng và các khoản khác.

3.9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.11. Trái phiếu phát hành

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15. Giá vốn bán hàng

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo

hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	581.800.202	290.950.121
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.390.295.534	1.832.397.979
	1.972.095.736	2.123.348.100

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	1.254.740.000.000	(85.256.189.363)		1.284.140.000.000	(36.715.580.781)	
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	250.000.000.000	(25.355.711.237)	(i)	250.000.000.000	(18.079.224.693)	(i)
Công ty CP Phát triển Công nghệ Hạ Long Kyoto	108.900.000.000	(11.328.152.568)	(i)	108.900.000.000	(8.732.280.347)	(i)
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Ung Bì	49.000.000.000	(8.223.977.360)	(i)	49.000.000.000	-	(i)
Công ty CP Nghiên cứu Áp dụng Công nghệ mới Sông Hậu	147.000.000.000	-	(i)	147.000.000.000	-	(i)
Công ty CP Sản xuất Phần mềm Quốc Gia Việt Nam	-	-	(i)	29.400.000.000	-	(i)
Công ty CP Leopard Solutions	6.000.000.000	-	(i)	6.000.000.000	-	(i)
Công ty CP Phòng Khám Hà Đông	77.420.000.000	(3.534.892.713)	(i)	77.420.000.000	-	(i)
Công ty CP Phòng Khám Hoa Bình	122.500.000.000	(6.292.628.345)	(i)	122.500.000.000	(9.904.075.741)	(i)
Công ty CP Phòng Khám Việt Trì	106.820.000.000	(22.622.777.665)	(i)	106.820.000.000	-	(i)
Công ty CP Phòng Khám Kỹ thuật cao Gia Lâm	77.420.000.000	(4.297.373.667)	(i)	77.420.000.000	-	(i)
Công ty CP Phòng khám Medicare Cần Thơ	77.420.000.000	(1.709.084.274)	(i)	77.420.000.000	-	(i)
Công ty CP Phòng khám Medicare Hậu Giang	77.420.000.000	(1.891.591.534)	(i)	77.420.000.000	-	(i)
Công ty CP Phòng khám Medicare Sóc Trăng	77.420.000.000	-	(i)	77.420.000.000	-	(i)
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Ngã Bảy	77.420.000.000	-	(i)	77.420.000.000	-	(i)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	153.300.000.000	(2.445.533.312)	153.300.000.000	(921.745.039)
Công ty CP Phòng khám Medicare Hữu Nghị	14.700.000.000	(251.308.540)	14.700.000.000	(116.686.997)
Công ty CP Phòng khám Nghệ An	10.500.000.000	(128.802.140)	10.500.000.000	(35.878.195)
Công ty CP Phòng khám Ba Đình	10.500.000.000	(733.171.047)	10.500.000.000	(459.037.548)
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Pháp Vân	10.500.000.000	(157.963.599)	10.500.000.000	(31.339.259)
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Gò Vấp	10.500.000.000	(89.454.626)	10.500.000.000	(29.123.121)
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Bạc Liêu	10.500.000.000	(116.473.996)	10.500.000.000	(33.757.173)
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Tiền Giang	10.500.000.000	(50.369.019)	10.500.000.000	(22.457.100)
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Bình Dương	10.500.000.000	(101.419.461)	10.500.000.000	(12.406.284)
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Hà Giang	14.700.000.000	(78.149.650)	14.700.000.000	(3.748.697)
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Ninh Bình	14.700.000.000	(193.671.221)	14.700.000.000	(66.206.661)
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Vũng Tàu	14.700.000.000	(424.394.544)	14.700.000.000	(83.265.549)
Công ty CP Famicare Pháp Vân	10.500.000.000	(61.732.351)	10.500.000.000	(12.655.367)
Công ty CP Famicare Tuyên Quang	10.500.000.000	(58.623.118)	10.500.000.000	(15.183.088)
	1.408.040.000.000	(87.701.722.675)	1.437.440.000.000	(37.637.325.820)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết:

Tên Công ty Đầu tư	Mối quan hệ	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	Công ty con	Số 307 Đường Nguyễn Du kéo dài, phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ	83,33%	83,33%	Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế, bán buôn máy móc, thiết bị y tế
Công ty CP Phát triển Công nghệ Hạ Long Kyoto	Công ty con	Lô A15, Cụm công nghiệp Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Xã Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh	99%	99%	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Uông Bí	Công ty con	Tổ 4, Khu 4, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	98%	98%	Phòng khám đa khoa và chuyên khoa
Công ty CP Nghiên cứu Áp dụng Công nghệ mới Sông Hậu	Công ty con	Khu công nghiệp Sông Hậu – Giai đoạn 1, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ	98%	98%	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung
Công ty CP Sản xuất Phần mềm Quốc Gia Việt Nam	Công ty con	Số 36 BT5 Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	98%	98%	Lập trình máy vi tính
Công ty CP Leopard Solutions	Công ty con	Số 34, Đường 79, Ấp Đình, Xã Cũ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	75%	75%	Lập trình máy vi tính
Công ty CP Phòng Khám Hà Đông	Công ty con	Tầng 3, Số 1 Phúc Thịnh, Cầu Bươu, Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội	98%	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng Khám Hòa Bình	Công ty con	Tầng 1, Số nhà 83, Đường Cù Chính Lan, Phường Hòa Bình, Tỉnh Phú Thọ	98%	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng Khám Việt Trì	Công ty con	Số 307, Đường Nguyễn Du kéo dài, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ	98%	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết:

Tên Công ty Đầu tư	Mối quan hệ	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Phòng Khám Kỹ thuật cao Gia Lâm	Công ty con	18 BT5 Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội	98%	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Medicare Cần Thơ	Công ty con	Số 408 Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	98%	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Medicare Hậu Giang	Công ty con	Số 16, Lầu 1, Đường số 14, Khu vực 4, Phường Vị Thanh, Thành phố Cần Thơ	98%	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Medicare Sóc Trăng	Công ty con	Lầu 1, Số 438 Đường Lê Duẩn, Khóm 4, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ	98%	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP trung tâm xét nghiệm Golab Ngã Bảy	Công ty con	Số 222, Đường 30/4, Khu vực 5, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ	98%	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Medicare Hữu Nghị	Công ty liên kết	Số 179 Đường Giải Phóng, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội	49%	49%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Nghệ An	Công ty liên kết	Tầng 1, Số 68, Đường Hồ Tông Thốc, Khối 13, Phường Vĩnh Phú, Tỉnh Nghệ An	35%	35%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Ba Đình	Công ty liên kết	Số 37A Dốc phụ sân, Đường Đê La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội	49%	49%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Pháp Vân	Công ty liên kết	Tầng 1, Lô BT 5, Số 18 KĐT mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội	35%	35%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Gò Vấp	Công ty liên kết	Lầu 1, Số 178 Nguyễn Thái Sơn, Phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh	35%	35%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Bạc Liêu	Công ty liên kết	Tầng trệt, Số 210, Đường Bà Triệu, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau	35%	35%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết:

Tên Công ty Đầu tư	Mối quan hệ	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Tiền Giang	Công ty liên kết	368A, Ấp Phước Hoà, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp	35%	35%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Bình Dương	Công ty liên kết	634 Đại lộ Bình Dương, Khu 5, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh	35%	35%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Hà Giang	Công ty liên kết	Tầng 1, Số 75D Đường Nguyễn Thái Học, Tổ 16, Phường Hà Giang 2, Tuyên Quang	49%	49%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Ninh Bình	Công ty liên kết	Tầng 1, Số nhà 140, Đường Tuệ Tĩnh, phường Hoa Lư, Thành phố Ninh Bình	49%	49%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Vũng Tàu	Công ty liên kết	Số 745 Vó Vẩn Kiệt, Phường Tam Long, Thành phố Hồ Chí Minh	49%	49%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Famicare Pháp Vân	Công ty liên kết	Tầng 1, Lô BT 5, Số 17 KĐT mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội	35%	35%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Famicare Tuyên Quang	Công ty liên kết	Tầng 2, Số 23, Phố Hoa Lư, Tổ 01, Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang	35%	35%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm và Môi trường Cần Thơ	-	45.502.587.900
Công ty Cổ phần Đầu tư LOU	-	18.302.003.421
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Hà Tĩnh	1.149.807.175	4.385.784.500
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm Golab Hải Phòng	1.120.000.000	2.932.070.200
Công ty Cổ phần Trung Tâm Xét nghiệm Golab Vĩnh Yên	1.252.791.156	-
Phải thu các khách hàng khác	15.270.498.949	82.247.898.454
	18.793.097.280	153.370.344.475

Phải thu khách hàng bên liên quan: Chi tiết tại thuyết minh 6.2

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư LOU	7.719.000.000	-
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	5.518.853.693	3.769.563.726
Công ty TNHH Môi trường Y tế Công nghệ cao	3.430.000.000	-
Công ty CP Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha Trang (*)	-	5.000.000.000
Trả trước cho người bán khác	1.089.150.011	754.786.788
	17.757.003.704	9.524.350.514

(*) Là khoản ứng trước nhằm mục đích mua máy móc, phần mềm, thiết bị y tế phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, do quá hạn thời gian cung cấp máy, các bên đã đi đến hủy hợp đồng và hoàn trả lại tiền. Công ty đã thu hồi lại toàn bộ số tiền đã ứng trên.

4.5. Phải thu khác

4.5.1. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	-	-	169.775.746	-
Ký cược, ký quỹ	1.642.935.141	-	937.864.916	-
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia Công ty CP Sản xuất Phần mềm Quốc Gia Việt Nam	-	-	5.000.000.000	-
Bệnh viện sản nhi Tỉnh Phú Thọ (*)	43.500.000.000	-	-	-
	45.142.935.141	-	6.107.640.662	-

4.5.2. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bệnh viện sản nhi Tỉnh Phú Thọ (*)	125.727.000.000	-	-	-
	125.727.000.000	-	-	-

(*) Theo hợp đồng số 01/2025/HĐCN/SARA-VIETMY ngày 15 tháng 02 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty CP Sara Việt Nam vào Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Phú Thọ để đầu tư xây dựng Trung tâm sản nhi thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ nay là Bệnh viện Sản Nhi Tỉnh Phú Thọ trị giá 204.227.000.000 đồng với giá chuyển nhượng là 204.227.000.000 đồng.

Tuy nhiên, theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 1604/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 04 năm 2025, Công ty quyết định rút vốn trước hạn khỏi Bệnh viện sản nhi Phú Thọ. Ngày 21 tháng 4 năm 2025, Công ty và Bệnh viện Sản nhi Phú Thọ đã thực hiện ký kết phụ lục hợp đồng số 05 về việc rút vốn trước hạn. Theo đó, Bệnh viện sẽ hoàn trả lại cho Công ty số tiền đã góp theo lộ trình từ năm 2025 đến năm 2028. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, Bệnh viện đã chuyển trả cho Công ty 57 tỷ đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

4.6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	16.284.033.892	-	10.357.695.277	-
	16.284.033.892	-	10.357.695.277	-

4.7. Chi phí trả trước

4.7.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ	55.482.529	-
Các khoản khác	34.999.997	-
	90.482.526	-

4.7.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản khác	25.436.250	13.355.630
	25.436.250	13.355.630

4.8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	50.034.090.809	50.034.090.809
Tăng trong năm	5.178.400.000	5.178.400.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	4.030.000.000	4.030.000.000
- Mua trong năm	1.148.400.000	1.148.400.000
Giảm trong năm	(352.200.000)	(352.200.000)
- Thanh lý, nhượng bán	(352.200.000)	(352.200.000)
Số cuối năm	54.860.290.809	54.860.290.809
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	23.355.123.651	23.355.123.651
Tăng trong năm	4.769.456.311	4.769.456.311
- Khấu hao trong năm	4.769.456.311	4.769.456.311
Giảm trong năm	(352.200.000)	(352.200.000)
- Thanh lý, nhượng bán	(352.200.000)	(352.200.000)
Số cuối năm	27.772.379.962	27.772.379.962
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
- Tại ngày đầu năm	26.678.967.158	26.678.967.158
- Tại ngày cuối năm	27.087.910.847	27.087.910.847

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị đang được cầm cố, thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Bản Việt với số tiền là 38.916.611.293 đồng.

4.9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	59.564.895.987	59.564.895.987
Số cuối năm	59.564.895.987	59.564.895.987
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	20.811.796.801	20.811.796.801
Tăng trong năm	5.942.739.588	5.942.739.588
- Khấu hao trong năm	5.942.739.588	5.942.739.588
Số cuối năm	26.754.536.389	26.754.536.389
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
- Tại ngày đầu năm	38.753.099.186	38.753.099.186
- Tại ngày cuối năm	32.810.359.598	32.810.359.598

Tài sản cố định vô hình của Công ty là hệ thống phần mềm PACS:

Hệ thống PACS là hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh y khoa RIS – PACS đã được Công ty thực hiện lắp đặt đồng bộ để phục vụ khám chữa bệnh, chẩn đoán bằng hình ảnh cùng các phần cứng kèm theo được lắp đặt tại các cơ sở y tế (Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế các tỉnh/thành phố) theo Hợp đồng thỏa thuận hợp tác lắp đặt sử dụng thử nghiệm hoặc hợp tác kinh doanh giữa Công ty với các cơ sở y tế và đã được các cơ sở y tế nghiệm thu bàn giao đưa vào hoạt động.

Tuy nhiên do gặp một số vướng mắc về cơ chế thanh toán, đơn giá hợp đồng hợp tác nên Công ty chưa xác định và đánh giá được một cách đầy đủ lợi ích thu được từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh này. Hiện nay Công ty đang chủ yếu thu phí cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị cũng như phí hỗ trợ kỹ thuật 24/24 cho hệ thống PACS.

4.10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Mua sắm tài sản cố định		
+ Hệ thống máy tại các bệnh viện	2.954.487.128	2.953.624.566
+ Hệ thống PACS tại các Trung tâm Y tế	17.737.378.342	17.737.378.342
	20.691.865.470	20.691.002.908

4.11. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi						
Công nợ phải thu khách hàng						
- Bệnh viện phổi Trung ương	171.239.842	171.239.842	-	171.239.842	171.239.842	-
- Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hậu Giang	35.168.802	35.168.802	-	35.168.802	35.168.802	-
- Trung Tâm Y tế Khu vực Giá Rai	27.496.482	27.496.482	-	27.496.482	27.496.482	-
- Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Phú Thọ	25.420.002	25.420.002	-	25.420.002	25.420.002	-
	259.325.128	259.325.128	-	259.325.128	259.325.128	-

4.12. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Chi nhánh Công ty TNHH Thiết bị Duy Minh	-	-	650.444.922	650.444.922
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Hướng Dương	356.213.750	356.213.750	3.900.000	3.900.000
JWB Co., Ltd	298.643.120	298.643.120	298.643.120	298.643.120
Các khoản phải trả người bán khác	262.478.294	262.478.294	196.023.634	196.023.634
	917.335.164	917.335.164	1.149.011.676	1.149.011.676

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DUỠC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

4.13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	887.523.548	-	917.746.661	1.805.270.209	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		200.000.000	200.000.000	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.195.625	-	117.523.679	99.574.562	29.144.742	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	55.723.969	61.887.397	-	6.163.428
	898.719.173	200.000.000	1.290.994.309	1.966.732.168	29.144.742	6.163.428

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	23.968.555.935	19.438.461.246
Các khoản trích trước khác	-	322.000.000
	23.968.555.935	19.760.461.246

4.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
BHXXH, BHYT; BHTN, BHTNLĐ	33.984.000	-
Phải trả về cổ tức (*)	75.924.090.000	75.924.090.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.480.400	7.180.000
	75.965.554.400	75.931.270.000

(*) Khoản cổ tức 2019 phải trả cổ đông theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 12/01/2021. Nghị quyết số 2502/NQ-HĐQT ngày 25/02/2025 của Hội đồng Quản trị về việc thay đổi thời gian thực hiện chi trả cổ tức năm 2019. Theo đó, thời gian thực hiện chi trả cổ tức như sau: Thanh toán đợt 1 ngày 28/01/2026, Thanh toán đợt 2 ngày 28/7/2026.

Lý do thay đổi: Công ty đang đẩy mạnh mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và tiến hành đầu tư vào các trang thiết bị, máy móc phục vụ cho các dự án quan trọng. Để đảm bảo tiến độ, Công ty sử dụng nguồn vốn sẵn có để đặt hàng các thiết bị cần thiết.

4.16. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	24.625.095.827	24.625.095.827	-	1.499.000.000	23.126.095.827	23.126.095.827
Ngân hàng TMCP Bản Việt (*)	24.625.095.827	24.625.095.827	-	1.499.000.000	23.126.095.827	23.126.095.827
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	24.625.095.827	24.625.095.827	-	1.499.000.000	23.126.095.827	23.126.095.827

(*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0041900059900 ngày 28/11/2019; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung ngày 06/07/2021 về việc điều chỉnh lịch trả nợ gốc. Số tiền vay: 40.000.000.000 VND; Mục đích vay: Mua máy móc thiết bị y tế phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; Lãi suất vay: 11,5%/năm; Thời hạn cho vay: 48 tháng. Biện pháp bảo đảm: máy móc thiết bị y tế theo Hợp đồng thế chấp động sản số 0041900060000 ngày 28/11/2019.

Thời điểm phát hành báo cáo này khoản nợ trên đã quá hạn thanh toán. Thời gian xin gia hạn nợ theo Công văn số 05/2024/CV-AMV của Công ty là tháng 10 năm 2024 và đã được Ngân hàng TMCP Bản Việt chấp thuận theo Công văn số 212/2024/BVbank/CV-QL&THN ngày 9/4/2024. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn chưa trả hết số nợ gốc nêu trên, Công ty đang tiếp tục làm việc với Ngân hàng để xin gia hạn nợ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Số dư đầu năm trước	1.311.056.500.000	(395.300.000)	246.895.237.887	1.557.556.437.887
- Lỗ trong năm trước			(12.651.723.096)	(12.651.723.096)
Số dư cuối năm trước	1.311.056.500.000	(395.300.000)	234.243.514.791	1.544.904.714.791
Số dư đầu năm nay	1.311.056.500.000	(395.300.000)	234.243.514.791	1.544.904.714.791
- Lỗ trong năm nay			(42.910.980.816)	(42.910.980.816)
Số dư cuối năm nay	1.311.056.500.000	(395.300.000)	191.332.533.975	1.501.993.733.975

4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Vốn thực góp VND</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Vốn thực góp VND</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
Các cổ đông khác	1.311.056.500.000	100,00%	1.311.056.500.000	100,00%
	1.311.056.500.000	100,00%	1.311.056.500.000	100,00%

4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	1.311.056.500.000	1.311.056.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.311.056.500.000	1.311.056.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

4.17.4. Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm Cổ phiếu</i>	<i>Số đầu năm Cổ phiếu</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	131.105.650	131.105.650
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	131.105.650	131.105.650
+ Cổ phiếu phổ thông	131.105.650	131.105.650
- Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	131.105.650	131.105.650
+ Cổ phiếu phổ thông	131.105.650	131.105.650

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	26.092.083.075	169.364.910.851
	26.092.083.075	169.364.910.851

Doanh thu bên liên quan: chi tiết tại thuyết minh 6.2

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	329.337.871	-
	329.337.871	-

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	23.253.299.467	160.394.730.660
	23.253.299.467	160.394.730.660

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	781.662	513.202
Cổ tức lợi nhuận được chia	17.009.339.331	10.000.000.000
	17.010.120.993	10.000.513.202

5.5. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	4.530.094.689	5.638.032.048
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	50.064.396.855	24.226.811.482
	54.594.491.544	29.864.843.530

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	133.333.326	295.095.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.080.000	25.977.202
	135.413.326	321.072.342

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.723.271.009	3.142.836.806
Chi phí đồ dùng văn phòng	48.875.997	29.931.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.992.428	5.992.428
Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	6.000.000
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	183.949.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.734.911.203	1.808.758.235
Chi phí khác bằng tiền	194.585.521	148.396.815
	7.714.636.158	5.325.865.947

5.8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	140.000.000	3.903.888.904
Thu nhập khác	227.540	20.416.672
	140.227.540	3.924.305.576

5.9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	51.444.280	34.940.246
Các khoản chi phí khác	74.789.778	-
	126.234.058	34.940.246

5.10. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(42.910.980.816)	(12.651.723.096)
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.017.895.187	3.926.601.375
+) Chi phí không được trừ	126.234.058	34.940.246
+) Chi phí khấu hao tài sản cố định không phục vụ sản xuất kinh doanh	3.891.661.129	3.891.661.129
- Các khoản điều chỉnh giảm	17.009.339.331	10.000.000.000
+) Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.009.339.331	10.000.000.000
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(55.902.424.960)	(18.725.121.721)
Thu nhập từ HĐKD chịu thuế suất 20%	(55.902.424.960)	(18.725.121.721)
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	-	-
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD chịu thuế suất 20%	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	-	-

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế

5.11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	48.875.997	29.931.820
Chi phí nhân công	5.856.604.335	3.437.931.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.712.195.899	9.667.514.548
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	183.949.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.736.991.203	1.835.935.437
Chi phí khác bằng tiền	201.585.521	154.396.815
	18.556.252.955	15.309.660.409

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng này.

6.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

6.2.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Đặng Nhị Nương	Giám đốc Công ty

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Bà Đặng Nhị Nương	Giám đốc	261.500.000	261.500.000
		261.500.000	261.500.000

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty không phát sinh số dư với bên liên quan.

6.2.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	Công ty con
Công ty CP Phát triển Công nghệ Hạ Long Kyoto	Công ty con
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Uông Bí	Công ty con
Công ty CP Nghiên cứu Áp dụng Công nghệ mới Sông Hậu	Công ty con
Công ty CP Sản xuất Phần mềm Quốc Gia Việt Nam	Công ty con
Công ty CP Leopard Solutions	Công ty con
Công ty CP Phòng Khám Hà Đông	Công ty con
Công ty CP Phòng Khám Hòa Bình	Công ty con
Công ty CP Phòng Khám Việt Trì	Công ty con
Công ty CP Phòng Khám Kỹ thuật cao Gia Lâm	Công ty con
Công ty CP Phòng khám Medicare Cần Thơ	Công ty con
Công ty CP Phòng khám Medicare Sóc Trăng	Công ty con
Công ty CP Phòng khám Medicare Hậu Giang	Công ty con
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Ngã Bảy	Công ty con
Công ty CP Phòng khám Medicare Hữu Nghị	Công ty liên kết
Công ty CP Phòng khám Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty CP Phòng khám Ba Đình	Công ty liên kết
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Pháp Vân	Công ty liên kết
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Gò Vấp	Công ty liên kết
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Bạc Liêu	Công ty liên kết
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Tiền Giang	Công ty liên kết
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Hà Giang	Công ty liên kết
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Ninh Bình	Công ty liên kết
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty CP Famicare Pháp Vân	Công ty liên kết
Công ty CP Famicare Tuyên Quang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Famicare Thủ Đức	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Nhà Bè	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty Cổ phần Famicare Vĩnh Yên	Công ty con sở hữu gián tiếp

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm nay có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Mua hàng hóa, dịch vụ	Năm nay VND
Công ty CP PK Medicare Hậu Giang	4.030.000.000
Bán hàng hóa, dịch vụ	Năm nay VND
Công ty CP Phòng khám Việt Trì	171.800.668
Công ty CP Phòng Khám Nghệ An	140.158.906
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Pháp Vân	35.000.000
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Ninh Bình	69.449.810

Số dư các khoản phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	500.000.000
Golab Bình Dương	-	500.000.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn	11.689.578.182	82.715.368.400
Công ty CP Phòng khám Medicare Hữu Nghị	-	244.200.000
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Pháp Vân	-	242.000.000
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Hải Phòng	1.120.000.000	3.022.070.200
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Quận 5	1.120.000.000	-
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Đà Nẵng	1.120.000.000	-
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Hải Dương	1.120.000.000	7.479.494.700
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Hưng Yên	-	7.333.194.700
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Thái Bình	1.120.000.000	-
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Tân An	-	2.822.420.200
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Đồng Tháp	-	2.848.270.200
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Vĩnh Long	-	2.848.270.200
Công ty CP Famicare Vĩnh Long	-	7.305.694.700
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab An Giang	-	2.805.370.200
Công ty CP Famicare Kiên Giang	-	4.505.384.500
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Kiên Giang	-	6.847.870.200
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Bắc Ninh	-	7.348.594.700
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Vĩnh Phúc	-	7.494.884.500
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Vĩnh Yên	1.252.791.156	-
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Ninh Bình	36.172.300	42.900.000
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Thanh Hóa	1.120.000.000	-
Công ty CP Phòng khám Nghệ An	110.416.851	-
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Hà Tĩnh	1.149.807.175	4.575.784.500
Công ty CP Famicare Quảng Bình	-	4.505.384.500
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Quảng Bình	1.120.000.000	3.043.210.200
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Biên Hòa	-	4.042.500.000
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Bình Định	1.120.000.000	-
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm Golab Gia Lai	-	2.832.870.200
Công ty CP Đầu Tư Bệnh Viện Việt Mỹ	-	2.835.000.000
Công ty CP Phòng khám Việt Trì	180.390.700	-
Phải thu dài hạn khác	-	5.000.000.000
Công ty CP Sản xuất Phần mềm Quốc gia Việt Nam	-	5.000.000.000

6.3. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

6.4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.



Người lập biểu
Trần Hằng Nga



Kế toán trưởng
Nguyễn Thu Huyền



Giám đốc
Đặng Nhị Nương
Hà Chí Minh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 05 năm 2026